

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2024/DS-PT

Ngày: 29-03-2024

*“V/v “Tranh chấp ranh
giới QSD đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Minh Tùng;

Ông Phạm Chí Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Võ Thị Trang-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18/03; 22/3 và 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 391/2023/TLPT-DS, ngày 22 tháng 11 năm 2023, về việc *“Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 492/2023/QĐ-PT, ngày 29 tháng 12 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Phan Phước S, sinh năm 1952.

Địa chỉ: ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị V, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ 1, sinh năm 1952.

2. NLQ 2, sinh năm 1980.

3. NLQ 3, sinh năm 1983.

4. NLQ 4, sinh năm 1981.

5. NLQ 5, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

NLQ 1, NLQ 2, NLQ 3, NLQ 4, NLQ 5 ủy quyền cho ông S1 (văn bản ủy quyền ngày 15/11/2022);

6.NLQ 6, sinh năm 1959.

Địa chỉ: ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

7.NLQ 7 sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp P, xã Tân P, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

8. Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Thanh Sơn;

Chức vụ: Phó chủ tịch.

- *Người kháng cáo:* Ông Phan Phước S là nguyên đơn;

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn - Ông Phan Phước S quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn, trình bày:*

Phần đất Ông Phan Phước S đang quản lý sử dụng trước đây là của cha ông S1 là ông Phan Văn T (chết) cho ông S1 quản lý sử dụng từ năm 1991, sau đó ông S1 kê khai đăng ký và được cấp quyền sử dụng đất, diện tích 5.746m² ngày 26/02/1991.

Đến ngày 20/2/2004 ông S1 cấp đổi quyền sử dụng đất và được cấp lại diện tích tổng cộng: 5.402,3m²: gồm 02 thửa:

+ Thửa 04, diện tích 743,7m², loại đất LN

+ Thửa 21, diện tích 4.658,6m², loại đất vườn. Cùng tờ bản đồ số 6.

Tiếp giáp theo chiều dài một bên đất ông S1 là đất của Bà Bùi Thị V, hai phần đất tiếp giáp nhau có 02 trụ đá, một trụ đá tiếp giáp đất ông S1 và đất ông T1, bà V, một trụ đá tiếp giáp đất ông S1 và đất bà V.

Qua đo đạc thẩm định thể hiện trên sơ đồ đo đạc ngày 07/6/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sa Đéc thể hiện như sau:

+ Trụ đá M1 (tiếp giáp ranh đất giữa ông S1, ông T và bà V) thì ông S1 và ông T1, bà V thống nhất lấy trụ đá M1 làm ranh đất giữa đất ông S1 và ông T1, bà V đã được Tòa án giải quyết xong theo quyết định công nhận sự thỏa thuận số:19/2023/QĐST ngày 23/6/2023 giữa ông S1 và ông T1.

+ Trụ đá M42: Vào năm 2020 ông S1 khởi kiện tranh chấp ranh đất với bà V, Tòa án có đến đo đạc thẩm định thì ông S1 và bà V có thỏa thuận ranh đất giữa đất ông S1 và bà V là đốn cây dừa của bà V trồng, ông S1 đem trụ đá trồng tại giữa gốc dừa làm ranh đất giữa đất ông S1 và bà V theo ông S1 trình bày là tạm trồng ranh đất hai bên), sau đó ông S1 rút đơn khởi kiện, Tòa án quyết định đình chỉ vụ kiện. Do còn một đầu ranh đất trụ đá tại M1 đất ông S1 tiếp giáp ranh đất với bà V, ông T chưa thống nhất và ông S1 thấy trụ đá tại gốc dừa chưa đúng ranh đất nên ông S1 khởi kiện tranh chấp ranh đất với bà V và ông T1. Qua đo

đặc thẩm định thì trụ đá tại gốc dừa trồng trước đây là M42 ông S1 xác định là chưa đúng ranh vì đất ông S1 đo đặc diện tích thực tế ít hơn so với diện tích quyền sử dụng đất của ông S1.

+ Trụ rào M35 là tiếp giáp ranh đất ông S1 và đất bà T, bà V. Ông S1 và bà T tự thỏa thuận thống nhất ranh tại trụ rào M35 nhưng bà V không có ý kiến, ông S1 không có tranh chấp ranh với bà T. Theo ông S1 xác định do đất ông S1 tiếp giáp đất bà V đến đất bà T thì ranh đất là đường thẳng nên lấy từ M1 kéo thẳng đến M35 làm ranh đất ông S1 và đất bà V.

Nay Ông Phan Phước S yêu cầu xác định ranh đất giữa thửa đất 21, tờ bản đồ số 6 của hộ Ông Phan Phước S với thửa đất 17, tờ bản đồ số 6 của Bà Bùi Thị V là đường thẳng nối từ M1 – M35 theo sơ đồ đo đạc ngày 07/6/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố S.

Các bên có nghĩa vụ tôn trọng và sử dụng đúng ranh đất đã được xác định, các bên có trách nhiệm di dời cơ sở vật chất (nếu có) lấn chiếm không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng của ranh đất đã xác định.

Qua đo đạc thẩm định thực tế phần đất của ông S1 và đất bà V thì có phần đất ông S1 tiếp giáp với đất NLQ 7 chưa thống nhất ranh đất với nhau. Ông S1 không yêu cầu và không tranh chấp ranh đất với đất anh Lộc trong vụ kiện này. Sau này có phát sinh tranh chấp ông S1 khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Ranh đất tại M35 giáp đất bà T đã thống nhất bà T, ông S1 không tranh chấp yêu cầu gì đối với bà T.

Ngoài ra, ông S1 không còn ý kiến gì khác và cũng không yêu cầu ai khác cùng tham gia tố tụng trong vụ kiện.

** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa - bị đơn Bà Bùi Thị V trình bày:*

Phần đất bà V đang quản lý sử dụng trước đây là của cha bà V là ông Bùi Văn T cho bà V quản lý sử dụng từ năm 1980 một phần đất cất nhà ở, không có đo đạc cụ thể diện tích, bà V cất nhà cấp 4, nhà lợp tole, vách tường ngang 5m, dài 12m.

Đến năm 2003 bà V kê khai được cấp quyền sử dụng đất lần đầu. Sau đó, đến ngày 07/4/2014 bà V cấp đổi lại có thửa 17, tờ bản đồ 6, diện tích 544,9m², có đo đạc và ông S1 có ký tên giáp ranh đất và quản lý sử dụng đến nay.

Trên phần đất bà V có cho bà Bùi Thị Thanh T (chị bà V) cất nhà cấp 4 tiếp giáp đất ông S1, đất nhà bà Thủy nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà V.

Tiếp giáp theo chiều dài một bên đất bà V là đất của ông S1, hai phần đất tiếp giáp nhau đất ông S1 có 02 trụ đá:

+ Trụ đá M1 (tiếp giáp ranh đất giữa ông S1, ông T và bà V) thì ông S1 và ông T1, bà V thống nhất lấy trụ đá M1 làm ranh đất giữa đất ông S1 và ông T1, bà V đã được Tòa án giải quyết xong theo quyết định công nhận sự thỏa thuận

số:19/2023/QĐST ngày 23/6/2023 giữa ông S1 và ông T giữa ông S1 và ông T1, còn từ M1 kéo đến M42 là đất bà V tiếp giáp đất ông S1.

+ Trụ đá M42 bà V xác định vào khoảng năm 2020 ông S1 khởi kiện tranh chấp ranh đất với bà V, Tòa án đến đo đạc thẩm định đất ông S1 và bà V thỏa thuận ranh đất hai bên là đốn cây dừa của bà V trồng, ông S1 đem trụ đá trồng tại gốc dừa làm ranh đất ông S1 và bà V, sau đó ông S1 rút đơn kiện, Tòa án quyết định đình chỉ vụ kiện. Nay ông S1 tiếp tục tranh chấp ranh đất với đất bà V tại trụ đá trên. Qua đo đạc thì trụ đá tại gốc dừa trồng trước đây là M42 đã được ông S1 bà V thống nhất ranh đất giữa đất bà V nay ông S1 cho rằng trụ đá M42 chưa đúng ranh là không đúng vì hai bên đã thống nhất trồng trụ đá làm ranh.

+ Đối với trụ đá M35 bà V xác định là phần đất ông S1 tiếp giáp ranh đất bà T tự ông S1 và bà T thống nhất ranh không liên quan đến ranh đất bà V nên bà V không có ý kiến đối với ranh đất ông S1 và bà T.

Nay Bà Bùi Thị V không đồng ý theo yêu cầu xác định ranh đất của ông S1.

Bà V yêu cầu xác định ranh đất giữa thửa đất 17, tờ bản đồ số 6 của Bà Bùi Thị V với thửa đất 21, tờ bản đồ số 6 của hộ Ông Phan Phước S là đường thẳng nối từ M1 – M42 của sơ đồ đo đạc ngày 07/6/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sa Đéc.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phan Phước S đại diện theo ủy quyền của NLQ 1, NLQ 2, NLQ 3, NLQ 4, NLQ 5 trình bày: NLQ 1, NLQ 2, NLQ 3, NLQ 4, NLQ 5 thống nhất theo lời trình bày của ông S1.

2. Bà Bùi Thanh T thống nhất theo lời trình bày của bà V và không có yêu cầu gì.

3. NLQ 7 trình bày: anh Lộc không có yêu cầu và cũng không tranh chấp gì trong vụ kiện và có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng vụ kiện.

4. UBND thành phố S có văn bản trình bày:

- Quyền sử dụng đất cấp ông S1 năm 1991 so với năm 2004 có thay đổi về diện tích. Nguyên nhân diện tích giảm là do khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có đo đạc thực tế, chỉ kê khai đăng ký.

- UBND thành phố S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 17, tờ bản đồ số 6, diện tích 544,9m² cho Bà Bùi Thị V ngày 07/10/2014 trên cơ sở: Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất ngày 20/8/2014 của Bà Bùi Thị V được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố S thẩm tra đủ điều kiện cấp đổi ngày 23/9/2014 và các quy định pháp luật tại thời điểm cấp giấy chứng nhận.

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tiến hành đo đạc tại Bản đồ mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố S ngày 05/9/2014

Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng theo quy định pháp luật tại thời điểm cấp.

- Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ông Phan Phước S được cấp theo hệ thống bản đồ 29, không có đo đạc nên không xác định được diện tích H1 là của ai, thuộc thửa nào, tờ bản đồ số mấy theo yêu cầu của Tòa án.

*** Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:**

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Phước Sanh.

Xác định ranh đất giữa thửa đất 21, tờ bản đồ số 6 của hộ Ông Phan Phước S với thửa đất 17, tờ bản đồ số 6 của Bà Bùi Thị V là đường thẳng nối từ M1 – M42 của sơ đồ đo đạc ngày 07/6/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sa Đéc.

(Có Biên bản xem xét, thẩm định và sơ đồ đo đạc ngày 07/6/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S kèm theo).

- Buộc Bà Bùi Thị V và Bà Bùi Thanh T có nghĩa vụ tháo dời tài sản: hàng rào, mái che, nền xi măng... đi nơi khác vượt qua ranh đất đường thẳng từ M1 – M42 của sơ đồ đo đạc để ông S1 được quyền sử dụng đất.

Các bên có nghĩa vụ tôn trọng và sử dụng đúng ranh đất đã được xác định, di dời các cơ sở vật chất, cây trồng (nếu có) lấn chiếm không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng của ranh đất đã xác định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và tuyên về quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm; giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Bị đơn thống nhất với quyết định bản án sơ thẩm;

*** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Phan Phước S. Xác định ranh đất giữa thửa đất 21, tờ bản đồ số 6 của hộ Ông Phan Phước S với thửa đất 17, tờ bản đồ số 6 của Bà Bùi Thị V là đường thẳng nối từ M1 – M35 của sơ đồ đo đạc ngày 07/6/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố S.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc xác định vị trí tiếp giáp với nhau của các thửa đất nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất” phù hợp với quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên có kháng cáo; Tòa án Tỉnh thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông S1; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- Về nguồn gốc các thửa đất: Xét thấy nguồn gốc đất nguyên đơn ông S1 là của cha ông S1 là ông Phan Văn T (chết) cho ông S1 quản lý sử dụng từ năm 1991, sau đó ông S1 kê khai đăng ký và được cấp quyền sử dụng đất lần đầu diện tích 5.746m² vào ngày 26/02/1991, không có đo đạc. Đến ngày 20/2/2004 ông S1 cấp đổi quyền sử dụng đất và được cấp lại diện tích tổng cộng: 5.402,3m²: gồm 02 thửa: Thửa 04, diện tích 743,7m² và thửa 21, diện tích 4.658,6m² (thửa tranh chấp ranh đất với bà V).

Đối với đất của bị đơn bà V đang quản lý sử dụng trước đây là của cha bà V là ông Bùi Văn Thắng cho bà V quản lý sử dụng từ năm 1980. Đến năm 2003 bà V kê khai được cấp quyền sử dụng đất lần đầu không có đo đạc, đến ngày 07/4/2014 bà V cấp đổi lại có thửa 17, tờ bản đồ 6, diện tích 544,9m², khi cấp quyền sử dụng đất ban đầu đất ông S1 và bà V tự kê khai không có đo đạc.

Hai bên ông S1 và bà V chỉ tranh chấp ranh đất tại một đầu chiều ngang giữa đất ông S1 và bà V, còn mốc M1 là mốc ranh được 03 bên thống nhất gồm ông S1, bà V và ông T1. Ông S1 yêu cầu xác định ranh đất của ông Với bà V tại vị trí M35, bà V yêu cầu tại vị trí M42 (từ M35- M42 tức H2 trên sơ đồ có diện tích 4.5m²). Ông S1 cho rằng trước đây khi tranh chấp với ông T1, thì giữa ông với bên bà T đã xác định là mốc ranh tại vị trí M35 (trụ đá hàng rào cuối đất bà T), theo ông S1 xác định đây cũng là ranh chung giữa đất của ông, bà V và bà T.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ là biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/5/2021 (bút lục 223) có nội dung như sau: “*Tại buổi thẩm định ông S1, bà V, bà Thủy thống nhất được một đầu ranh (giáp với đất bà Bùi Ngọc Thu) đã tiến hành cắm trụ đá; còn một đầu hai bên chưa thống nhất (phía giáp đất ông T1)...*”. Như vậy, việc ông S1 xác định ranh đất tại mốc M35 là điểm tiếp giáp giữa đất ông S1, bà V, bà T là có căn cứ. Sau đó, do ông S1 và ông T chưa thống nhất được ranh với nhau (mốc M1 hiện nay) nên ông S1 rút đơn khởi kiện với bà V chứ không phải ông S1 xác định ranh với bà V tại cây dừa mốc M42 như sơ thẩm nhận định (*nội dung này được thể hiện tại đơn xin rút khởi kiện của ông S1 ngày 21/6/2022*).

Về tài sản trên đất: Qua xem xét, thẩm định trên đất tranh chấp từ M1 – M35 có tài sản của bà T, bà V xây dựng, hàng rào, mái che, nền xi măng... vượt qua đất ông S1, bà V và bà T đồng ý di dời tài sản trên đất đi nơi khác. Do đó, buộc bà Thủy và bà V có nghĩa vụ tháo dỡ di dời tài sản hàng rào, mái che, nền xi măng... vượt qua ranh đất đường thẳng từ mốc M1 – M35 đi nơi khác để ông S1 được quyền sử dụng đất.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông S1, sửa một phần quyết định bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm Sát trình bày và đề nghị: Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm. Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp.

Do sửa bản án sơ thẩm nên Bà Bùi Thị V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Các nội dung còn lại của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là Ông Phan Phước S;

2. Sửa một phần quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 66/2023/DS-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố S;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Phan Phước S.

Xác định ranh đất giữa thửa đất 21, tờ bản đồ số 6 của hộ Ông Phan Phước S với thửa đất 17, tờ bản đồ số 6 của Bà Bùi Thị V là đường thẳng nối từ M1 – M35 của sơ đồ đo đạc ngày 07/6/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sa Đéc.

(Có Biên bản xem xét, thẩm định và sơ đồ đo đạc ngày 07/6/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S kèm theo).

Buộc Bà Bùi Thị V và Bà Bùi Thanh T có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời tài sản: hàng rào, mái che, nền xi măng... đi nơi khác vượt qua ranh đất đường thẳng từ M1 – M35 của sơ đồ đo đạc để ông S1 được quyền sử dụng đất.

Các bên có nghĩa vụ tôn trọng và sử dụng đúng ranh đất đã được xác định, tháo dỡ, di dời các cơ sở vật chất, tài sản, cây trồng (nếu có) lấn chiếm không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng của ranh đất đã xác định.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà V phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Về chi phí xem xét, thẩm định, định giá: Bà Bùi Thị V phải chịu 6.891.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Số tiền này ông S1 đã nộp tạm ứng và chi xong nên bà V có trách nhiệm trả lại cho ông S1.

3. Về án phí phúc thẩm:

- Ông S1 không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

- Về chi phí xem xét, thẩm định, khảo sát lại hiện trạng đất tranh chấp 2.000.000đồng ông S1 tự nguyện chịu. Số tiền này ông S1 đã nộp tạm ứng và chi xong.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND TP. S;
- Chi cục THADS TP. S
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Võ Trinh

